

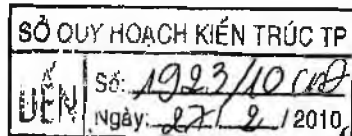
Số: 1149/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 30 tháng 9 năm 2009

- P. KN₂

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường 6 – quận Tân Bình, diện tích 57,24ha.



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về qui hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22/07/2005 của Bộ xây dựng về ban hành hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31/3/2008 của Bộ Xây dựng về ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND Thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án QHCT xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn và công văn số 1168/UBND-ĐTMT ngày 23/3/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân loại, phê duyệt hồ sơ theo thời điểm thực hiện Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008;

Căn cứ nghị định 20/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 về quản lý chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 04/8/2008 của UBND Thành phố về duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng quận Tân Bình;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-UBND-ĐT ngày 03/11/2006 của UBND quận Tân Bình về phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 6, quận Tân Bình;

Căn cứ công văn số 2647/KQTB-SQHKT ngày 16/9/2009 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về kết quả thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 6 - quận Tân Bình;

Xét nội dung hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường 6, Q.Tân Bình do Công ty Kiến trúc-Xây dựng miền Nam lập;

Xét tờ trình số 90/TTr-QLĐT(QHKT) ngày 29/9/2009 của Phòng Quản lý đô thị quận Tân Bình về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường 6 – quận Tân Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị Khu dân cư phường 6 - quận Tân Bình với các nội dung chính (đính kèm hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000) như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Qui mô khu vực quy hoạch: 57,24ha.

- Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch:

+ Phía Đông Nam : giáp quận 10 qua đường Bắc Hải.

+ Phía Tây Bắc : giáp phường 7, quận Tân Bình qua đường Nghĩa Phát và đường Trần Triệu Luật.

+ Phía Tây Nam : giáp phường 8, quận Tân Bình qua đường Lý Thường Kiệt.

+ Phía Đông Bắc : giáp phường 5 quận Tân Bình và phường 11, quận 3 qua đường Cách Mạng Tháng 8.

2. Lý do và sự cần thiết phải lập đồ án quy hoạch:

Trước đây, trên địa bàn phường 6, quận Tân Bình chưa có đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000. Mặt khác, thời gian qua việc tách quận Tân Bình cũ thành 2 quận mới: Tân Bình và Tân Phú; tốc độ đô thị hóa diễn ra rất nhanh đã thu hút nhiều dân nhập cư từ các địa phương khác làm thay đổi cấu trúc kinh tế-xã hội, các chỉ tiêu cơ cấu sử dụng đất của quận Tân Bình. Đồng thời việc khai thác sử dụng quỹ đất tại các khu vực cải tạo chỉnh trang đô thị chưa đạt hiệu quả về kinh tế và xã hội, làm ảnh hưởng đến đời sống người dân. Do đó, khu vực phường 6, quận Tân Bình cần phải tiến hành nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết xây dựng cho phường, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của quận Tân Bình và Thành phố.

3. Mục tiêu của đồ án quy hoạch:

- Xác định cơ cấu phân khu chức năng, quỹ đất dành cho đầu tư xây dựng khu dân cư, các công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy hoạch chung theo định hướng phát triển kinh tế xã hội của quận Tân Bình và các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất không chế làm cơ sở cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng cụ thể.

- Xác định các khu vực chỉnh trang trong đô thị có khả năng thực hiện trong từng giai đoạn phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn quận (đến 2010, 2015, 2020), lưu ý kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị với dự án đầu tư đã được cấp thẩm quyền

phê duyệt quy hoạch, nhằm tạo điều kiện phát triển giao thông cũng như toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn khu vực (như cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc...)

- Làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác quản lý đô thị và thực hiện kế hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch.

- Tăng hiệu quả sử dụng đất, thu hút đầu tư trong khu vực và trên địa bàn quận Tân Bình .

- Tạo điều kiện ở tốt, thoả mãn các yêu cầu chất lượng cao về không gian kiến trúc, môi trường, cơ sở hạ tầng...

- Cân đối các tiêu chuẩn quy phạm có thể áp dụng cho khu vực trên cơ sở định hướng quy hoạch chung quận Tân Bình và điều kiện hiện trạng sử dụng đất hiện nay.

4. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch-kiến trúc:

4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích(ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất dân dụng	52,70	100
1.	Đất ở	29,99	56,9
	+ Đất ở hiện hữu	24,61	
	+ Đất dân cư xây dựng mới và chỉnh trang	5,38	
2.	Đất công trình công cộng	11,30	21,4
	Đất công trình công cộng cấp phường	7,08	
	+ Đất giáo dục	1,72	
	+ Đất hành chính	0,14	
	+ Đất y tế	0,04	
	+ Đất văn hóa	0,13	
	+ Đất thương mại - dịch vụ	5,05	
	Đất công trình công cộng cấp khu vực	4,22	
3.	Đất giao thông	10,11	19,2
4.	Đất cây xanh – Thể dục thể thao	1,30	2,5
B	Đất ngoài dân dụng	4,54	
	+ Đất giao thông đối ngoại	3,65	
	+ Đất công trình tôn giáo	0,89	
Tổng cộng		57,24	

4.2. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

Stt	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	
1	Dân số dự kiến (năm 2010-2020)	người	30.000 (năm 2020)	
2	Mật độ xây dựng	%	40	
3	Tầng cao xây dựng	Tối đa	Tầng	14 (45m)
		Tối thiểu	Tầng	2
4	Chỉ tiêu sử dụng đất dân dụng	m ² /ng	17,56	
	+ Đất ở	m ² /ng	10,0	
	+ Đất CTCC (hạ tầng xã hội)	m ² /ng	0,68 (không tính CTCC cấp khu vực và TMDV)	
	+ Đất cây xanh	m ² /ng	0,43	
	+ Đất giao thông	m ² /ng	1,61 (không tính đường giao thông <12m)	
5	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
	+ Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	200	
	+ Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	200	
	+ Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/nă m	2500	
	+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	kg/người/ngày	1,2	
6	Cột xây dựng không chế	m	Hxdmin = 2,80m	

5. Bố cục phân khu chức năng:

5.1. Khu ở:

Tổng diện tích đất ở 29,99ha, chiếm 56,9% đất dân dụng, bao gồm :

+ Đất dân cư hiện hữu: qui mô 24,61ha chiếm 82% đất ở trong đó đa số là nhà phố, nhà liên kế hiện hữu.

▪ Mật độ xây dựng : khoảng 60-70%

▪ Tầng cao xây dựng : từ 2 – 7 tầng

+ Đất dân cư xây dựng mới và chỉnh trang: qui mô 5,38ha, chiếm 18% đất ở, trong đó bao gồm khu dân cư xây dựng mới trong một phần khu C30 và 2

cụm dân cư hiện hữu dự kiến chỉnh trang xây dựng nhà ở cao tầng với các chỉ tiêu như sau:

- Mật độ xây dựng : khoảng 35%
- Tầng cao xây dựng : tối đa 14 tầng (45m, tầng cao sẽ được nghiên cứu điều chỉnh khi có ý kiến cụ thể của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền).

5.2. Công trình công cộng:

Tổng diện tích 11,30ha, chiếm 21,4% diện tích đất dân dụng, trong đó bao gồm:

- Đất công trình công cộng cấp khu vực với diện tích 4,22ha chiếm 8,0% đất dân dụng.
- Đất công trình thương mại dịch vụ với diện tích 5,05ha chiếm 9,5% đất dân dụng
- Đất công trình công cộng – hạ tầng xã hội với diện tích 2,03ha chiếm 3,9% đất dân dụng, bao gồm:

- + Công trình hành chính có diện tích khoảng 0,14ha, bao gồm: Ủy ban nhân dân phường 6 (cũ và mới), Hội trường Ủy ban nhân dân phường 6, Ban chỉ huy quân sự phường 6, Công an phường 6.

- + Công trình y tế có diện tích khoảng 0,01ha, bao gồm: Trạm y tế phường.

- + Công trình giáo dục có diện tích khoảng 1,72ha bao gồm: Trường mầm non 6, Trường THCS Trần Văn Đăng, Trường THCS Nguyễn Gia Thiệu, Trường THCS Nguyễn Gia Thiệu mở rộng, Trường tiểu học Bạch Đằng, Trường tiểu học Đống Đa, Trường Tiểu học Chi Lăng phân hiệu 2, Trường Tiểu học Chi Lăng phân hiệu 1...

- + Công trình giáo dục dự kiến xây dựng mới: Trường PTTH Huỳnh Thúc Kháng. Trường Tiểu học và Trường Trung học cơ sở dự kiến xây mới trong khu đất xây dựng công trình công cộng.

- + Công trình văn hóa bao gồm: Nhà văn hóa phường 6....

5.3. Khu cây xanh – Thể dục thể thao:

Tổng diện tích 1,30ha, chiếm 2,5% diện tích đất dân dụng chủ yếu là phần đất cây xanh dự kiến trong các khu đất dịch vụ công cộng, phường 6 (không có đất công viên cây xanh hiện hữu).

5.4. Công trình tôn giáo:

Tổng diện tích khoảng 0,89 ha bao gồm các công trình tôn giáo hiện hữu: Nhà thờ Nghĩa Hòa, Hội trường giáo xứ Nghĩa Hòa, Nhà thờ Lộc Hưng, Nhà thờ Nam Hòa, Giáo xứ Nam Hòa, Nhà thờ Vinh Sơn, Nhà thờ Phú Lộc, Đền Thánh gia, Đền Thánh Pherothi, Chùa Vĩnh Hòa...

6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

6.1. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Tuyến đường Cách Mạng Tháng Tám, Lý Thường Kiệt (dự kiến có tuyến tàu điện ngầm dọc tuyến) được định hướng phát triển với chức năng ở kết hợp thương mại - dịch vụ, xây dựng cao tầng. Lưu ý khoảng lùi xây dựng công trình, tổ chức không gian kiến trúc phù hợp để đảm bảo không ảnh hưởng đến hạ tầng kỹ thuật của tuyến tàu điện ngầm.

- Ngoài ra, hướng tuyến đường trên cao số 2 dự kiến đang được nghiên cứu điều chỉnh hướng tuyến đi dọc theo đường Bắc Hải, sau khi dự án đường trên cao số 2 được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ranh quy hoạch sẽ được cập nhật để quản lý.

- Về chiều cao xây dựng công trình: sẽ được xem xét với tầng cao tối đa tùy theo định hướng phát triển không gian theo thiết kế đô thị tại từng khu vực, từng tuyến đường, trên cơ sở Nghị định 20/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 về quản lý chứng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam đối với từng địa điểm cụ thể.

6.2. Thiết kế đô thị:

Trong thời gian tới cần nghiên cứu định hướng và lập thiết kế đô thị dọc các trục Thương mại – dịch vụ gồm:

- Trục đường Lý Thường Kiệt
- Trục đường Cách Mạng Tháng Tám

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1 Quy hoạch hệ thống giao thông:

Lộ giới các tuyến đường chính:

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều rộng (m)		
			Lề (m)	Lòng (m)	Lề (m)
1	Đường Cách Mạng Tháng Tám	35	6	23	6
2	Đường Bắc Hải	30	6	18	6
3	Đường Lý Thường Kiệt	30	6	18	6
4	Đường Thành Thái (khu C30)	30	6	18	6
5	Đường dự phóng khu CTCC phường 6	12-20			
6	Đường Trần Triệu Luật	16	4	8	4
7	Đường Nghĩa Phát	16	4	8	4
8	Đường Bến Cát	16	4	8	4
9	Đường Bành Văn Trân	16	4	8	4

9	Đường Bành Văn Trân	16	4	8	4
10	Đường Hưng Hóa (đoạn đi qua khu CTCC phường 6, lệch tim)	16	4	8	4
11	Đường số 1 (khu C30)	16	4	8	4
12	Đường số 3 (khu C30)	16	4	8	4
13	Đường số 2 (khu C30)	12	2	8	2
14	Hẻm 97 Cách Mạng Tháng Tám (giáp phường 7 quận Tân Bình)	16	4	8	4
15	Đường Chân Hưng (đoạn đi qua khu CTCC phường 6, lệch tim)	12	2	8	2
16	Hẻm 2 Trần Triệu Luật	12	3	6	3
17	Đường nối khu CTCC phường 6 với đường Cách Mạng Tháng Tám	16	3	10	3

Lưu ý:

- Việc thể hiện lộ giới quy hoạch giao thông nhỏ hơn 12m trên bản đồ quy hoạch giao thông chỉ mang tính chất tham khảo. Đối với đường có lộ giới nhỏ hơn 12m đã được xác định và công bố theo các quyết định của cấp có thẩm quyền sẽ được tiếp tục quản lý theo các quyết định đã công bố. Đối với đường có lộ giới nhỏ hơn 12m chưa được xác định và công bố theo các quyết định của cấp có thẩm quyền, sẽ được xác định, công bố và quản lý căn cứ theo quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố.
- Bán kính cong tại các giao lộ, mặt cắt ngang các tuyến đường và phần chỉ giới xây dựng sẽ được nghiên cứu xác định cụ thể khi có thiết kế đô thị hoặc khi khai triển các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và theo dự án cụ thể.

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

** Quy hoạch chiều cao (san nền):*

+ Cải tạo cục bộ, hoàn thiện nền xây dựng theo nguyên tắc bám sát cao độ hiện trạng của khu vực.

+ Cao độ nền biến đổi từ 2,80m đến 5,40m (hệ cao độ VN 2000).

** Quy hoạch thoát nước mưa:*

+ Sử dụng mạng lưới thoát nước chung có hệ thống phân tách nước bản phía cuối nguồn xả, giữ lại cống hiện trạng đang phục vụ thoát nước hiệu quả cho khu vực gồm các cống trên đường Bắc Hải, Cách Mạng Tháng Tám, Lý Thường Kiệt, và trên một số hẻm trong khu vực.

+ Xây dựng các tuyến cống chính theo Dự án thoát nước Nhiều Lộc Thị Nghè trên các tuyến đường: Bành Văn Trân – Phạm Văn Hai, Lý Thường Kiệt.

+ Tổ chức tuyến cống chính theo định hướng Quy hoạch chung dọc đường Nghĩa Phát.

+ Nguồn thoát nước: Tập trung theo các cống chính đường Phạm Văn Hai và Bắc Hải để dẫn về phía Bắc khu vực ra kênh Nhiều Lộc Thị Nghè.

+ Nối cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu 0,70m; độ dốc cống tối thiểu đảm bảo khả năng tự làm sạch cống.

7.3. Quy hoạch cấp điện:

+ Chỉ tiêu cấp điện: 2500 KWh/người/năm.

+ Nguồn điện được cấp từ trạm 110/15-22KV Hòa Hưng, Trường Đua.

+ Cải tạo các trạm biến áp 15-22/0,4KV hiện hữu, tháo gỡ các trạm biến áp ngoài trời, công suất nhỏ, vị trí không còn phù hợp quy hoạch.

+ Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4KV, sử dụng máy biến áp 3 pha, dung lượng ≥ 630 KVA, loại trạm phòng, trạm đơn thân.

+ Cải tạo mạng trung thế 15KV hiện hữu, nâng cấp lên 22KV, dài hạn sẽ được thay thế bằng cáp ngầm.

+ Xây dựng mới mạng trung và hạ thế cấp điện cho khu quy hoạch, sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện dây phù hợp, chôn ngầm trong đất.

+ Hệ thống chiếu sáng dùng đèn cao áp sodium 150 ÷ 250W – 220V, có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.

7.4. Quy hoạch cấp nước:

+ Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố dựa vào các tuyến ống $\Phi 450$ đường Lý Thường Kiệt, $\Phi 400$ đường Cách Mạng Tháng Tám từ các tuyến cấp nước chính $\Phi 1500$ đường Trường Chinh, $\Phi 800$ đường Cộng Hòa-Hoàng Văn Thụ thuộc hệ thống nhà máy nước sông Sài Gòn I, hệ thống nhà máy nước ngầm Hóc Môn và $\Phi 900-600$ thuộc hệ thống nhà máy nước Thủ Đức.

+ Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: $Q_{sh} = 200$ lít/người/ngđ.

+ Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy: 25 lít/s cho 2 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 1 đám cháy theo TCVN 2622:1995.

+ Tổng nhu cầu dùng nước: 12.500 m³/ngày.

7.5. Quy hoạch thoát nước bản, rác thải và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước bản:

+ Giải pháp thoát nước bản: Sử dụng hệ thống thoát nước chung, nước thải được tách ra bằng giếng tách dòng và thu gom theo hệ thống cống bao thuộc dự án Cải thiện môi trường nước lưu vực số 9 Nhiều Lộc-Thị Nghè về trạm xử lý nước thải tập trung thành phố.

+ Tiêu chuẩn thoát nước sinh hoạt: $Q_{sh} = 200$ lít/người/ngđ.

+ Tổng lượng nước thải: $Q_{sh} = 10.400$ m³/ngày

b. Rác thải và vệ sinh môi trường:

+ Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 1,2 kg/người/ngày.

+ Tổng lượng rác thải sinh hoạt: 43,2 tấn/ngày

+ Phương án xử lý : rác thải được thu gom về điểm tập kết rác khu vực và vận chuyển về khu liên hiệp xử lý rác thành phố tại xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi.

8. Một số lưu ý quan trọng khác khi triển khai quản lý quy hoạch:

Với qui mô dân số của đồ án là 30.000 người (dự báo đến năm 2020) nên về lâu dài, để đảm bảo cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp quy hoạch chung quận Tân Bình, cần kiểm soát và khống chế qui mô dân số trong phạm vi đồ án (các dự án phát triển nhà ở mới cần ưu tiên tái định cư tại chỗ và trong địa bàn quận). Đồng thời, tập trung chỉnh trang nâng tầng tại các khu vực nhà ở lụp xụp, xuống cấp, thay đổi mô hình ở, nâng tầng cao, giảm mật độ xây dựng nhằm tạo thêm quỹ đất công trình công cộng phúc lợi xã hội, mảng xanh và không gian mở trong đô thị.

Điều 2.

Giao Phòng Quản lý đô thị phối hợp UBND Phường 6 chịu trách nhiệm công bố công khai đồ án quy hoạch được phê duyệt trên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký quyết định này.

Giao Phòng Quản lý đô thị phối hợp Phòng Tài nguyên – Môi trường và UBND Phường 6 chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng quỹ đất, quản lý xây dựng và kêu gọi đầu tư xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

Điều 3.

Chánh Văn phòng UBND quận Tân Bình, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và xây dựng công trình quận Tân Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 6 quận Tân Bình, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND Thành phố;
- Sở TNMT, Sở QHKT;
- Sở XD; Sở KH-ĐT;
- TTQU, TTUBND/Q;
- Công ty Kiến trúc – xây dựng miền Nam;
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN
CHỦ TỊCH



Thái Thị Dư

